

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG TIỂU HỌC YẾT KIÊU

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	121 HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn 6 thôn của xã Yết Kiêu	131 HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn 6 thôn của xã Yết Kiêu đã hoàn thành chương trình lớp 1	107 HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn 6 thôn của xã Yết Kiêu đã hoàn thành chương trình lớp 2	153 HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn 6 thôn của xã Yết Kiêu đã hoàn thành chương trình lớp 3	140 HS trong độ tuổi thường trú và tạm trú trên địa bàn 6 thôn của xã Yết Kiêu đã hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục học tập, năng lực và phẩm chất của học sinh theo từng học kỳ; gia đình giữ liên hệ thường xuyên với GVCN, với BGH để cùng phối hợp giáo dục học sinh. Học sinh phải thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của một học sinh tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường. Việc phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình được thực hiện theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (<i>Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 /11 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>)				

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt đội, tổ chức các hoạt động vệ sinh và các hoạt động khác để giáo dục toàn diện cho học sinh.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá về phẩm chất và năng lực. Đa số HS đều đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng theo quy định của từng khối lớp, phần đầu có 99,8 % chuyển lớp và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Cuối năm học 99,8% số học sinh có đủ điều kiện để tiếp tục theo học các lớp trên.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Phương

UBND HUYỆN GIA LỘC
TRƯỜNG TIỂU HỌC YẾT KIÊU

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế năm học 2024-2025

1. Chất lượng giáo dục

	Số số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1			Lớp 2				Lớp 3		Lớp 4				Lớp 5	
			Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số		Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số	Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số
				Nữ	Khuyết tật		N ữ	Dâ n tộc	Nữ dâ n tộc				Nữ	Dân tộc	Khuyết tật		
I. Kết quả học tập																	
1. Tiếng Việt	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		398	71	33		83	47	1	1	76	42	86	46	1		82	44
Hoàn thành		248	46	20		48	14			31	11	65	23			58	16
Chưa hoàn thành		3	2									1	1				
2. Toán	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		432	78	36		91	48	1	1	72	38	91	48	1		100	46
Hoàn thành		214	39	17		40	13			35	15	60	21			40	14
Chưa hoàn thành		3	2									1	1				
3. Đạo đức	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		443	82	40		102	52	1	1	70	38	100	52	1		89	46
Hoàn thành		206	37	13		29	9			37	15	52	18			51	14
Chưa hoàn thành																	
4. Tự nhiên và Xã hội	35 9	357	119	53		131	61	1	1	107	53						
Hoàn thành tốt		242	77	37		93	49	1	1	72	40						

Hoàn thành		115	42	16		38	12			35	13						
Chưa hoàn thành																	
5. Khoa học	29 3	292										152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		233										113	56	1		120	57
Hoàn thành		59										39	14			20	3
Chưa hoàn thành																	
6. LS&DL	29 3	292										152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		200										105	56	1		95	46
Hoàn thành		92										47	14			45	14
Chưa hoàn thành																	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		425	76	38		93	50	1	1	73	39	95	52	1		88	50
Hoàn thành		224	43	15		38	11			34	14	57	18			52	10
Chưa hoàn thành																	
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		422	76	38		95	52	1	1	72	40	91	47	1		88	52
Hoàn thành		227	43	15		36	9			35	13	61	23			52	8
Chưa hoàn thành																	
9. Hoạt động trải nghiệm	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		435	71	33		99	52	1	1	70	39	98	51	1		97	50
Hoàn thành		214	48	20		32	9			37	14	54	19			43	10
Chưa hoàn thành																	
10. Giáo dục thể chất	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		478	80	40		98	51	1	1	79	40	126	65	1		95	48
Hoàn thành		171	39	13		33	10			28	13	26	5			45	12
Chưa hoàn thành																	
11. TH-CN (Công nghệ)	40 0	399								107	53	152	70	1		140	60

Hoàn thành tốt		247								74	39	95	52	1		78	43
Hoàn thành		152								33	14	57	18			62	17
Chưa hoàn thành																	
12. TH-CN (Tin học)	65																
	2	399								107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		247								73	40	95	51	1		79	44
Hoàn thành		152								34	13	57	19			61	16
Chưa hoàn thành																	
13. Ngoại ngữ	65																
	2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành tốt		392	81	42		81	43	1	1	69	37	89	48	1		72	37
Hoàn thành		257	38	11		50	18			38	16	63	22			68	23
Chưa hoàn thành																	
II. Năng lực cốt lõi																	
Năng lực chung																	
Tự chủ và tự học	65																
	2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Tốt		419	89	41		86	46	1	1	75	42	89	46	1		80	40
Đạt		228	28	12		45	15			32	11	63	24			60	20
Cần cố gắng		2	2														
Giao tiếp và hợp tác	65																
	2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Tốt		423	74	34		94	48	1	1	84	46	89	46	1		82	41
Đạt		224	43	19		37	13			23	7	63	24			58	19
Cần cố gắng		2	2														
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	65																
	2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Tốt		402	68	30		89	48	1	1	84	44	88	45	1		73	38
Đạt		245	49	23		42	13			23	9	64	25			67	22
Cần cố gắng		2	2														
Năng lực đặc thù																	
Ngôn ngữ	65																
	2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Tốt		425	73	33		92	51	1	1	79	41	91	45	1		90	44

[illegible]

[illegible]

VI. HSDT được trợ giảng																	
VII. HS.K.Tật		3	2	1	2							1			1		
VIII. HS bỏ học kỳ II																	
+ Hoàn cảnh GDKK																	
+ KK trong học tập																	
+ Xa trường, đi lại K.khăn																	
+ Thiên tai, dịch bệnh																	
+ Nguyên nhân khác																	
IX. Chương trình lớp học	65 2	649	119	53		131	61	1	1	107	53	152	70	1		140	60
Hoàn thành		646	117	53		131	61	1	1	107	53	151	69	1		140	60
Chưa hoàn thành		3	2	0								1	1				

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Phương